

Số: 379 /TB-ĐLDK

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

- Mã chứng khoán: POW
- Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (024) 22210288 Fax: (024) 22210388
- E-mail: quanhecodong@pvpower.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin theo quy định tại điểm o Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính:

Ngày 06/03/2024, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần nhận được Bản án số 01/2024/KDTM-PT ngày 04/01/2024 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc “Tranh chấp hợp đồng thiết kế thi công” giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần và Công ty Cổ phần Tư vấn 6.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 06/03/2024 tại đường dẫn <https://pvpower.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT (đề b/c);
- TGD TCT (đề b/c);
- Ban KS TCT (đề b/c);
- P.TGD T.V. Phương (đề b/c);
- Lưu: VT, KTKH (NMT).

Tài liệu đính kèm:

- Bản án số 01/2024/KDTM-PT ngày 04/01/2024 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
TRƯỞNG BAN KINH TẾ KẾ HOẠCH



Nguyễn Đình Thi

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-PT

Ngày 04/01/2024

"V/v Tranh chấp hợp đồng thiết kế, thi công"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Nguyễn Phan Nam.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký  
Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên  
tòa: Bà Vũ Thị Thúy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà  
Nội, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công  
khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 37/2023/TLPT-KDTM ngày 16  
tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng thiết kế, thi công" do có kháng  
cáo của nguyên đơn, bị đơn đối với Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số  
17/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố  
Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14428/2023/QĐ-PT ngày 18  
tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ  
phần (Tên gọi cũ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt  
Nam); trụ sở: Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, phường Yên  
Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Võ Thị Tú Oanh  
(Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2018 và ngày 16/10/2023) (có mặt).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Tư Vấn 6 (Tên gọi cũ là Công ty tư vấn thiết  
kế công trình giao thông 497); trụ sở: Số 72 Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Vĩnh Huệ - Giám đốc (có mặt);

Người đại diện hợp pháp: Ông Đậu Hoài Nam (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2019), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Hậu Thìn thuộc Văn phòng Luật sư THT, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần tư vấn dự án điện lực dầu khí; trụ sở: Tầng 10, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Hoàng Huyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2023), (có mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (tên gọi cũ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) do người đại diện hợp pháp trình bày: (BL 46- BL 48)

Ngày 26/3/2008, Tổng Công ty điện lực dầu khí Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty điện lực dầu khí hoặc nguyên đơn) và Công ty Cổ phần Tư vấn 6 (sau đây viết tắt là Công ty Tư vấn 6 hoặc bị đơn) ký Hợp đồng nguyên tắc số 03/BTĐ-HĐNT/GT3 và ngày 09/4/2008 ký Phụ lục số 01/PLHĐNT. Trong đó, các bên xác định Công ty Tư vấn 6 phải làm 04 hạng mục công việc chính gồm:

- Khảo sát địa hình địa chất, thủy văn, môi trường;
- Khảo sát phục vụ thiết kế bản vẽ thi công trên cơ sở phương án tuyển đã được phê duyệt;
- Lập phương án tuyển trình chủ đầu tư phê duyệt;
- Thiết kế bản vẽ thi công, lập tổng dự toán.

Sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã tạm ứng cho bị đơn số tiền là 1.858.085.758 đồng để thực hiện công việc nêu trên.

Quá trình thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, Công ty Tư vấn 6 hoàn thành 02 khối lượng công việc đã được chủ đầu tư phê duyệt gồm "Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn và môi trường" và "Khảo sát phục vụ thiết kế bản vẽ thi công". Đến tháng 4/2012, hai bên quyết toán hợp đồng, theo đó xác định giá trị quyết toán hợp đồng là 1.100.242.000 đồng nên số tiền bị đơn còn nợ là 757.843.758 đồng. Số tiền này đã được các bên thống nhất và xác nhận tại biên bản lập ngày 14/8/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vào năm 2010-2011, do Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào không tiến hành gia hạn Biên bản ghi nhớ (MOU)

ký giữa PV Power và Chính phủ Lào ký năm 2007, chỉ gia hạn đến tháng 11/2011 cho nên các công việc còn lại gồm "Lập phương án tuyến" và "Thiết kế bản vẽ thi công" không hoàn thành, không đủ điều kiện nghiệm thu, phê duyệt và không đủ điều kiện thanh quyết toán.

Tháng 4/2012, trên cơ sở thỏa thuận, nhất trí, các bên đồng ý lập Hồ sơ quyết toán Gói thầu số 3, trong đó các bên xác định quyết toán mà Công ty tư vấn 6 được hưởng là 1.100.242.000 đồng. Đối trừ khoản tiền Công ty điện lực dầu khí tạm ứng thì giá trị còn lại mà Công ty tư vấn 6 phải hoàn trả là 757.843.758 đồng. Hồ sơ quyết toán này, đại diện theo pháp luật Công ty tư vấn 6 đã nhất trí thống nhất cho nên đây là căn cứ xác định Hợp đồng nguyên tắc số 03 đã chấm dứt theo thỏa thuận.

Từ thời điểm quyết toán vào tháng 4/2012 đến ngày khởi kiện, giữa các bên đã trao đổi nhiều lần bằng văn bản, đều thể hiện nội dung công nợ hợp đồng mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 757.843.758 đồng.

Nguyên đơn cho rằng từ năm 2012 đến trước khi khởi kiện, bị đơn biết và hiểu Hợp đồng đã chấm dứt nên thừa nhận khoản nợ và xin hứa trả nhưng cũng thường xuyên vi phạm. Số nợ gốc được xác định là 757.843.758 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 757.843.758 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trong thời hạn chậm trả 11 năm 30 ngày (từ sau tháng 4/2012 quyết toán đến ngày xét xử sơ thẩm 01/6/2023), tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 757.843.758 đồng + 833.628.138 đồng + 6.436.480 đồng = 1.597.908.376 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn về nghiệm thu thanh lý Hợp đồng và quyết toán khối lượng còn lại, trị giá 1.538.091.915 đồng thì nguyên đơn không nhất trí với lý do: Trong suốt quá trình triển khai hợp đồng, các bên đã nhận thấy dự án không thể triển khai được, gói thầu bị tạm dừng. Bị đơn biết và nhất trí khi đồng ý quyết toán cả Hợp đồng vào thời điểm tháng 4/2012. Việc phát sinh hồ sơ quyết toán là sự kiện pháp lý ghi nhận sự thỏa thuận đồng ý chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc số 03. Do đó, khi hợp đồng chấm dứt thì một trong các bên không có quyền yêu cầu bên kia tiếp tục thực hiện công việc trong hợp đồng (nghiệm thu). Hợp đồng chấm dứt đã xác định nghĩa vụ của từng bên, cụ thể Công ty tư vấn 6 phát sinh nghĩa vụ hoàn trả tiền thanh toán dư thừa của hợp đồng. Yêu cầu phản tố thực hiện nghiệm thu khi hợp đồng đã chấm dứt là không có căn cứ, trái với thỏa thuận nhất trí trước đó của các bên trong suốt nhiều năm liền, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Tư vấn 6 do người đại diện hợp pháp trình bày: (BL 191; BL 437-442; BL 445-447)<sub>m</sub>

Bị đơn nhất trí nội dung công việc hợp đồng, giá trị tạm ứng và quyết toán công nợ như nguyên đơn trình bày. Liên quan đến nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, bị đơn có ý kiến như sau:

Đối với khối lượng công việc *Phần 1 (Khảo sát thiết kế sơ bộ)*: Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, thu thập các tài liệu, số liệu liên quan đến khu vực dự kiến xây dựng công trình; Lựa chọn phương án tuyến tối ưu, lập Báo cáo lựa chọn phương án tuyến, trình Chủ đầu tư phê duyệt phương án; bị đơn đã hoàn thành 100% khối lượng, kể cả phần lập Báo cáo lựa chọn phương án tuyến, giá trị 187.742.663 đồng. Điều này được thể hiện qua văn bản của nguyên đơn chấp thuận, trình Tỉnh trưởng Luang Prabang phê duyệt tại văn bản số 06 ngày 14/3/2008 và đã được Tỉnh trưởng phê duyệt tại Quyết định số 329/TT-LPB, ngày 17/4/2008. Số tiền này phía nguyên đơn chưa thanh toán cho bị đơn.

Đối với khối lượng công việc *Phần 2 (Khảo sát thiết kế chi tiết)*: Khảo sát phục vụ Thiết kế bản vẽ thi công trên cơ sở phương án tuyến đã được Chủ đầu tư phê duyệt; Thiết kế bản vẽ thi công, lập tổng dự toán cho tuyến đường; bị đơn đã hoàn thành toàn bộ công tác khảo sát đúng nội dung yêu cầu của đề cương, đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu của nguyên đơn. Công tác thiết kế, lập dự toán bị đơn đã hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu của nguyên đơn và đã trình nộp cho nguyên đơn để soát xét, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt theo quy định. Điều này được thể hiện qua giấy giao nhận hồ sơ giữa hai bên. (Giá trị thiết kế bản vẽ thi công (viết tắt BVTC), lập dự toán là 1.445.236.565 đồng). Tuy nhiên đến nay nguyên đơn vẫn chưa có quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và cũng chưa có một ý kiến phản hồi chính thức bằng văn bản về phương án giải quyết vấn đề này.

Bị đơn xác định đến tháng 4/2012 nguyên đơn mới chỉ quyết toán (lần 1) cho bị đơn số tiền 85% giá trị khối lượng công việc khảo sát đã hoàn thành (được nguyên đơn xác nhận) là 1.100.242.000 đồng. Bản quyết toán này hoàn toàn chưa thể hiện giá trị quyết toán cho công tác lập báo cáo chọn tuyến và công tác thiết kế BVTC, mà chỉ mới thể hiện quyết toán cho 2 hạng mục công việc khảo sát, đó là: Khảo sát phục vụ lập báo cáo lựa chọn phương án tuyến và Khảo sát chi tiết phục vụ bước thiết kế BVTC. Như vậy, các hạng mục công việc khác bao gồm: Lập báo cáo chọn tuyến; thiết kế BVTC, lập tổng dự toán và các hạng mục công việc khác có trong Hợp đồng chưa được nghiệm thu, thanh toán và đưa vào bản Quyết toán tháng 4/2012. Phần công việc còn lại này phải được các bên nghiệm thu, thanh quyết toán trong các đợt tiếp theo và cuối cùng hai bên thanh lý Hợp đồng để xác định chính xác giá trị công nợ của mỗi bên.

Căn cứ báo cáo thẩm tra của Nguyên đơn tại Văn bản số 612/PCC-KTKH ngày 23/8/2011, bị đơn xác định tổng giá trị của bị đơn đã hoàn thành theo Hợp

đồng là 2.638.333.915 đồng. (Trong đó giá trị đã được nguyên đơn nghiệm thu, thanh toán là 1.100.242.000 đồng, còn lại 1.538.091.915 đồng, chưa được nguyên đơn nghiệm thu, thanh toán). Tỷ lệ giá trị khối lượng được nghiệm thu chỉ mới đạt 41,7% so với tổng giá trị khối lượng mà bị đơn đã hoàn thành ( $1.100.242.000/2.638.333.915 = 41,7\%$ ).

Đối với khoản dư nợ 757.843.758 đồng, bị đơn cho rằng khoản dư nợ này chỉ phản ánh kết quả chênh lệch giữa giá trị tạm ứng và giá trị được nghiệm thu, thanh toán ở một thời điểm nhất định của quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế giữa hai bên, hoàn toàn không phải là giá trị để xác định công nợ cuối cùng của hợp đồng. Giá trị khoản công nợ này bị đơn sẽ hoàn trả nguyên đơn bằng khối lượng hoàn thành trong các đợt nghiệm thu, thanh toán tiếp theo. Đồng thời mỗi bên đều phải có trách nhiệm bảo vệ nguyên trạng số liệu này để làm cơ sở cho việc nghiệm thu, thanh toán các đợt tiếp theo và thanh lý hợp đồng sau này.

Theo hợp đồng thì giá trị bị đơn tạm ứng sẽ được khấu trừ dần vào các đợt thanh toán và sẽ khấu trừ hết khi thanh toán đạt đến 80% giá trị hợp đồng. Như số liệu bị đơn đưa ra thì đến nay nguyên đơn mới chỉ nghiệm thu quyết toán đạt 41,7% giá trị hợp đồng. Điều đó có nghĩa bị đơn chưa có trách nhiệm phải hoàn hết giá trị tạm ứng cho nguyên đơn.

Bị đơn cho rằng hợp đồng giữa các bên đang ở tình trạng dở dang, chưa kết thúc, chưa thanh lý. Toàn bộ khối lượng công việc khảo sát, thiết kế tuyến đường bị đơn đã hoàn thành, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, đã giao nộp hồ sơ cho nguyên đơn. Công việc thẩm định, phê duyệt là thuộc về quyền và trách nhiệm của nguyên đơn, bị đơn chỉ có nghĩa vụ phối hợp, giải trình, bảo vệ trước cấp có thẩm quyền (khi có yêu cầu). Thực tế là đến nay Công ty Cổ phần Tư vấn 6 chưa nhận được văn bản chính thức nào của nguyên đơn thông báo về tình trạng của Dự án.

Do đó, bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc nguyên đơn là Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và thanh quyết toán phần khối lượng còn lại cho bị đơn trong Hợp đồng "Khảo sát, lập báo cáo lựa chọn phương án tuyến, thiết kế bản vẽ thi công - lập dự toán đường từ Quốc lộ 13N vào công trường xây dựng thủy điện Luang Prabang - CHDCND Lào" và thanh toán cho bị đơn 80% giá trị công việc đã thực hiện cùng tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 8,2%/năm, thời gian tính lãi là 10 năm đối trừ với khoản dư nợ nguyên đơn yêu cầu, tổng giá trị bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán cả gốc và lãi là 1.420.051.645 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Tư vấn dự án điện lực dầu khí do người đại diện theo ủy quyền trình bày: ✓*

Thời điểm năm 2008, Công ty Cổ phần tư vấn dự án điện lực dầu khí (trước đây là Ban quản lý dự án thủy điện thuộc Tổng Công ty điện lực dầu khí) được Tổng Công ty giao làm đại diện chủ đầu tư quản lý dự án một số gói thầu thuộc dự án thủy điện Luang Prabang (Lào) trong đó có gói thầu số 3: khảo sát, lập báo cáo lựa chọn phương án tuyến, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đường từ quốc lộ 13N vào công trường xây dựng nhà máy thủy điện Luang Prabang; hồ sơ quyết toán gói thầu số 3 Công ty đã xác nhận: giám sát công tác tại hiện trường, ký xác nhận giá trị thanh toán theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Toàn bộ hồ sơ liên quan đến công trình, Công ty không còn lưu trữ nên không có tài liệu gì để nộp cho Tòa án. Công ty Cổ phần tư vấn dự án điện lực dầu khí xác nhận là Công ty có ký quyết toán về khối lượng công việc mà Công ty Cổ phần Tư vấn 6 thực hiện. Việc các bên có tranh chấp như thế nào thì Công ty không nắm được và không có ý kiến; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 17/2023/KDTM-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (Tên cũ: Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)

Buộc Công ty Cổ phần Tư Vấn 6 (Tên cũ: Công ty Tư vấn thiết kế công trình giao thông 497) phải trả lại Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần số tiền tạm ứng thừa là 757.843.758 đồng và 840.118.618 đồng tiền lãi chậm thanh toán. Tổng cộng: 1.597.962.376 đồng

2. Chấp nhận yêu cầu phân tố của Công ty Cổ phần Tư Vấn 6. Buộc Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần phải trả cho Công ty Cổ phần Tư Vấn 6 tổng số tiền là 2.799.327.285 đồng. Trong đó:

- 15% giá trị còn lại của khảo sát: 194.160.000 đồng;
- Lập báo cáo chọn tuyến: 187.742.663 đồng;
- Giá trị thiết kế BVTC: 1.156.189.252 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán: 1.261.235.370 đồng.

3. Đối trừ yêu cầu phân tố của Công ty Cổ phần Tư vấn 6 đối với yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần. Buộc Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần thanh toán cho Công ty Cổ phần Tư vấn 6 số tiền: là 2.799.327.285 đồng - 1.597.962.376 đồng = 1.201.364.909 đồng

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần còn phải thanh toán số tiền lãi của,

số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2023, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn.

Ngày 14/6/2023, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị tăng mức lãi suất lên 10%/năm bằng mức lãi suất đã tính cho nguyên đơn, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tăng thời gian tính lãi thành 11 năm 30 ngày. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo phương án tính lãi mà bị đơn yêu cầu và bác kháng cáo của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn với lý do: Yêu cầu phân tố của bị đơn là hết thời hiệu khởi kiện vì hợp đồng xây dựng các bên đã ký kết từ năm 2008, đến năm 2012 hợp đồng đã bị chấm dứt và cả hai bên đều biết. Sau khi nguyên đơn khởi kiện đòi tiền theo xác nhận nợ của bị đơn thì bị đơn mới có yêu cầu phân tố nộp cho Tòa án năm 2018. Theo quy định thì thời hiệu để bị đơn được quyền nộp đơn yêu cầu phân tố là 3 năm nhưng đến năm 2018 bị đơn mới nộp đơn yêu cầu phân tố là đã hết thời hiệu khởi kiện. Nguyên đơn xác nhận đã nhận được đủ hồ sơ các phần việc mà bị đơn đã làm nhưng không được quyết toán. Hồ sơ quyết toán mà các bên đã ký kết thì được coi là hợp đồng số 03 đã được thanh lý. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại tiền tạm ứng thừa mà nguyên đơn đã tạm ứng cho bị đơn và tiền lãi chậm trả theo quy định.

Bị đơn rút toàn bộ kháng cáo đối với nguyên đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm với lý do: Hợp đồng giữa các bên mới chỉ là tạm dừng chứ chưa phải là thanh lý vì hai bên không ký văn bản thanh lý hợp đồng nào mà theo quy định của pháp luật thì việc thanh lý hợp đồng phải được lập thành văn bản. Bị đơn nhiều lần có văn bản gửi nguyên đơn về việc tiếp tục quyết toán các phần việc mà bị đơn đã làm nhưng đến nay vẫn chưa được thanh quyết toán. Do đó, quyết định của Bản án sơ thẩm đối trừ yêu cầu phân tố của bị đơn và yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng số 03. Về tiền tạm ứng thừa thì bị đơn vẫn xác nhận, tuy nhiên, do hợp đồng vẫn đang tạm dừng nên bị đơn hàng năm vẫn xác nhận để tiếp tục làm thủ tục thanh quyết toán đối với phần việc mà bị đơn đã làm. Việc bị đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức 8,2%/năm và tính thời gian lãi suất tròn 10 năm là thể hiện



thiện chí với nguyên đơn. Do đó, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 289, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn cụ thể: Đối với khoản tiền lập báo cáo chọn tuyến là 187.742.663 đồng và giá trị thiết kế BVTC 1.156.189.252 đồng bị đơn đã làm và thi công nhưng hai bên chưa nghiệm thu nên chưa có cơ sở để tính toán. Đối với 15% giá trị còn lại của khảo sát là 194.160.000 đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn và cả tiền lãi theo mức lãi suất bị đơn đề nghị tại cấp sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn nộp trong thời hạn và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hiệu lực pháp lý của Hợp đồng nguyên tắc số 03: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định các bên có ký Hợp đồng nguyên tắc số 03. Hợp đồng các bên cung cấp có sự khác về giá trị, cụ thể hợp đồng nguyên đơn xuất trình không thể hiện ngày, tháng, năm ký, không thể hiện giá trị (tại Điều 5). Trong khi đó, hợp đồng bị đơn xuất trình thể hiện ngày ký hợp đồng là ngày 26/3/2008, tại Điều 5 thể hiện giá trị tạm tính là 2.350.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Phụ lục hợp đồng nguyên tắc số 01/PLHĐNT ngày 09/4/2008 bổ sung điều khoản giá trị hợp đồng thể hiện giá trị hợp đồng là 2.350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn nhất trí sử dụng hợp đồng do nguyên đơn nộp là hợp đồng để Tòa án xem xét giải quyết vụ án vì thực tế hai hợp đồng chỉ khác nhau về giá trị. Xét thấy, các bên đều xác nhận việc ký kết Hợp đồng số 03 vào ngày 26/3/2008, giá trị tạm tính đã được các bên xác nhận đã thỏa thuận trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Đồng thời bị đơn xác nhận hợp đồng

nguyên đơn xuất trình là đúng, việc ký kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hợp đồng nguyên tắc số 03 phát sinh hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng nguyên tắc số 03 phù hợp với Phụ lục hợp đồng nguyên tắc số 01/PLHĐNT ngày 09/4/2008 do nguyên đơn xuất trình là hợp đồng chính thức để xem xét là có căn cứ.

[3] Về nội dung và công việc các bên thực hiện theo Hợp đồng số 03: Nguyên đơn là Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam (đại diện Ban quản lý các dự án thủy điện) thuê bị đơn là Công ty Tư vấn thiết kế công trình giao thông khảo sát, lập báo cáo lựa chọn phương án tuyến, thiết kế bản vẽ thi công - lập dự toán đường từ Quốc lộ 13N vào công trường xây dựng thủy điện Luang Prabang - CHDCND Lào, theo đó việc thực hiện công tác khảo sát, lập báo cáo lựa chọn phương án tuyến phải hoàn thành và giao nộp chủ đầu tư phê duyệt trước 15/4/2008; Công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình hoàn thành ngày 30/5/2008.

Theo Hợp đồng nguyên tắc thì bị đơn phải thực hiện 02 phần việc sau:

- Phần 1 (Khảo sát thiết kế sơ bộ): Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, thu thập các tài liệu, số liệu liên quan đến khu vực dự kiến xây dựng công trình; Lựa chọn phương án tuyến tối ưu, lập báo cáo lựa chọn phương án tuyến, trình Chủ đầu tư phê duyệt phương án;

- Phần 2 (Khảo sát thiết kế chi tiết): Khảo sát phục vụ thiết kế bản vẽ thi công trên cơ sở phương án tuyến đã được Chủ đầu tư phê duyệt; Thiết kế bản vẽ thi công, lập tổng dự toán cho tuyến đường.

Thực tế, bị đơn đã thực hiện được:

- Khối lượng công việc Phần 1: Đã hoàn thành 100% khối lượng, kể cả phần lập Báo cáo lựa chọn phương án tuyến, giá trị 187.742.663 đồng. Ngày 17/4/2008, tỉnh trưởng Luang Prabang đã phê duyệt Quyết định số 329/TT-LPB đồng ý phê duyệt cho nguyên đơn xây dựng con đường vào công trình thủy điện Nặm Khoong.

- Khối lượng công việc Phần 2: Theo trình bày của bị đơn đã hoàn thành toàn bộ công tác Khảo sát đúng nội dung yêu cầu của đề cương, đảm bảo chất lượng và tiến độ yêu cầu của Nguyên đơn. Công tác Thiết kế, lập dự toán bị đơn đã hoàn thành đúng tiến độ yêu cầu của nguyên đơn và đã trình nộp cho nguyên đơn để soát xét, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt theo quy định. Điều này được thể hiện qua giấy giao nhận hồ sơ ngày 13/5/2008 và 16/8/2011 giữa hai bên. Nguyên đơn cũng trình bày có việc bị đơn đã thực hiện công việc nêu trên và công trình đã được đưa vào sử dụng tại Lào nhưng cho rằng sau đó dự án bị đình nên Hợp đồng đã chấm dứt, bị đơn phải chấp nhận chia sẻ rủi ro, nguyên,

đơn không có nghĩa vụ phải thanh toán phần giá trị thực hiện nêu trên cho bị đơn.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn.

[4.1] Về khối lượng và giá trị công việc mà bị đơn đã thực hiện, hoàn thành được thể hiện tại giấy giao hồ sơ ngày 16/8/2011 (BL 275-276) cho nguyên đơn. Đồng thời hai bên đã đồng ý và ký xác nhận khối lượng nêu trên tại Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành năm 2012 (BL 220 đến 228). Điều này phù hợp với ý kiến trình bày của người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần tư vấn dự án điện lực dầu khí và đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm rằng bị đơn có thực hiện công việc nhưng do chưa được chỉ định thầu nhưng đây không phải là cơ sở để không nghiệm thu và không thanh toán cho bị đơn.

Tại Văn bản số 141/CV-TV497 ngày 16/4/2012 bị đơn gửi cho Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn dự án điện lực dầu khí (BL 278) có nêu: *“Đối với phần khảo sát: Thống nhất như biên bản làm việc ngày 11/4/2012 đã ký giữa các bên...Đối với công tác lập báo cáo lựa chọn phương án tuyến và thiết kế BVTG- lập dự toán: Công ty đồng ý chưa đưa vào để tính toán xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành trong đợt này. Tuy nhiên, xét thấy mặc dù hồ sơ chưa được duyệt nhưng đây là phần việc mà Công ty đã hoàn thành, hồ sơ đã giao nộp đầy đủ, giá trị công việc chiếm hơn 50% giá trị hợp đồng (tương đương khoảng 1.500.000.000 đồng). Để tránh thiệt hại về kinh tế cho đơn vị Công ty đề nghị trong thời gian tới tiếp tục xem xét trình cơ quan có thẩm quyền đánh giá mức độ hoàn thành của hồ sơ, tính toán xác định giá trị thực làm cơ sở tính toán cho đơn vị.”*

Phía nguyên đơn cho rằng tháng 4 năm 2012 các bên đã lập hồ sơ gói thầu 03 trong đó các bên xác định quyết toán giá trị sau thuế mà bị đơn được hưởng là 1.100.242.000 đồng đối trừ khoản tiền bị đơn đã tạm ứng là 1.858.085.758 đồng thì giá trị còn lại bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 757.843.758 đồng nhưng tại Văn bản số 141/CV-TV497 ngày 16/4/2012 bị đơn đã nêu: *“Đối với công tác lập báo cáo lựa chọn phương án tuyến và BCTG- lập dự toán: Công ty đồng ý chưa đưa vào để tính toán xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành trong đợt này....”* nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của nguyên đơn là phần khối lượng này đã được xác nhận quyết toán là 0 đồng và các bên đã thống nhất là nguyên đơn không phải thanh toán.

Tại Quyết định số 01/2017/QĐ-PT ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có nội dung: *“Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam không có tài liệu nào chứng minh hợp đồng nêu trên của hai bên đã được thanh lý, quyết toán để làm căn cứ xác nhận nợ. Giấy xác nhận nợ ngày 12/4/2016, phần đề nghị”*

xác nhận nợ của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam ghi *Đề nghị Quý Công ty xác nhận cho chúng tôi về số tiền chúng tôi đã cho Quý Công ty tạm ứng đến thời điểm ngày 31/12/2015 là 757.843.758 đồng*. Như vậy, số tiền này được xác định là số tiền tạm ứng chưa được quyết toán theo Hợp đồng nguyên tắc số 03/BTĐ-HĐNT/GT3 của hai bên. Nghĩa vụ thanh toán tiền của các bên theo Hợp đồng cần phải căn cứ vào biên bản thanh lý Hợp đồng đã ký kết của hai bên. Do vậy, chưa có đầy đủ cơ sở để khẳng định nghĩa vụ phải trả nợ". Quyết định số 01/2017/QĐ-PT ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An cho đến nay vẫn có hiệu lực pháp luật. Như vậy, có cơ sở khẳng định hợp đồng của các bên chưa được thanh lý, quyết toán. Số tiền 757.843.758 đồng là tiền tạm ứng thừa còn nghĩa vụ thanh toán tiền của các bên theo hợp đồng phải căn cứ vào biên bản thanh lý.

Vì vậy, bị đơn đã đưa ra đề xuất phương án tính toán giá trị khối lượng hoàn thành công việc đối với phần việc chưa được quyết toán nhưng phía nguyên đơn chưa có ý kiến phản hồi về việc thanh quyết toán cũng như thanh lý hợp đồng từ năm 2012 đến khi khởi kiện tại Tòa án nên nguyên đơn cho rằng phần tố của bị đơn hết thời hiệu khởi kiện là không đúng.

[4.2] Về số tiền chậm thanh toán nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn do bị đơn đã thực hiện các công việc theo Hợp đồng:

Chi phí lập báo cáo chọn tuyến: Lựa chọn phương án tối ưu, lập báo lựa chọn phương án tuyến, trình chủ đầu tư duyệt phương án – khảo sát sơ bộ thực hiện theo Quyết định phê duyệt số 329/TT-LPB ngày 17/4/2008 của tỉnh trưởng Luang Prabang; Báo cáo thẩm tra đề cương dự toán số 612/PCC-KTKH ngày 23/8/2011 của nguyên đơn; Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành đã được các bên liên quan ký quyết toán lần 1 lập tháng 4/2012; khối lượng công việc bị đơn đã thực hiện có giá trị là 187.742.663 đồng nhưng chưa được thanh toán (1).

Giá trị của khối lượng khảo sát gồm hai mục: Khảo sát phục vụ lập báo lựa chọn phương án tuyến và khảo sát chi tiết phục vụ bước thiết kế bản vẽ thi công theo Báo cáo thẩm tra đề cương dự toán số 612/PCC-KTKH ngày 23/8/2011 của nguyên đơn và Giấy giao nhận hồ sơ hai bên ngày 13/5/2008, Bản quyết toán 02 hạng mục khảo sát tháng 4/2012; khối lượng công việc bị đơn đã thực hiện có giá trị là 1.294.402.000 đồng. Nguyên đơn đã thanh toán 85% là 1.100.242.000 đồng, còn phải thanh toán 15% giá trị còn lại của công việc khảo sát là 194.160.000 đồng (2).

Chi phí thiết kế BVTC: Theo Báo cáo thẩm tra đề cương dự toán số 612/PCC-KTKH ngày 23/8/2011 của nguyên đơn (tính bằng 80% giá trị); Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành đã được các bên liên quan ký đính kèm hồ sơ quyết lần 1 lập tháng 4/2012 nhưng chưa được nghiệm thu, thanh toán và

đưa vào bản quyết toán tháng 4/2012; khối lượng công việc bị đơn đã thực hiện có giá trị là 1.156.189.252 đồng nhưng chưa được thanh toán (3).

Tổng số tiền nguyên đơn còn chậm chưa thanh toán cho bị đơn là: (1) + (2) + (3) = 1.538.091.915 đồng.

[4.3] Hợp đồng nguyên tắc số 03 bị tạm dừng không phải lỗi của các bên khi ký kết và thực hiện hợp đồng mà do điều kiện khách quan do Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào không tiến hành gia hạn Biên bản ghi nhớ (MOU) ký giữa PV Power và Chính phủ Lào năm 2007, đồng thời Chính phủ 02 nước không tiếp tục thực hiện dự án thủy điện một phần lý do sẽ ảnh hưởng đến hệ sinh thái dòng chảy sông MeKong. Hơn nữa công việc bị đơn thực hiện từ năm 2008 trong khi tạm dừng dự án là năm 2012. Việc chậm thanh toán do các bên đã không tiến hành thỏa thuận, nghiệm thu, thanh quyết toán ngay sau khi Chính phủ hai nước không tiến hành gia hạn Biên bản ghi nhớ (MOU) ký giữa PV Power và Chính phủ Lào năm 2007. Do đó, thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán của các bên là 11 năm 30 ngày (được tính từ ngày 01/5/2012 sau khi quyết toán đến ngày xét xử sơ thẩm 01/6/2023). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chỉ đề xuất tính lãi suất 8,2%/năm (lãi suất Ngân hàng nơi bị đơn mở tài khoản) và thời hạn tính lãi 10 năm nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bị đơn buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền lãi của số tiền chậm thanh toán là  $1.538.091.915 \text{ đồng} \times 8,2\%/năm \times 10 \text{ năm} = 1.261.235.370 \text{ đồng}$  là có căn cứ.

[4.4] Đối với số tiền 757.843.758 đồng là nằm trong tổng số tiền mà nguyên đơn đã tạm ứng cho bị đơn thì các bên đều xác nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với lãi suất 10%/năm đối với số tiền này nhưng thực tế các bên chưa thanh lý hợp đồng, bị đơn chỉ xác nhận số tiền tạm ứng còn thừa. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lãi suất 10%/năm  $\times 757.843.758 \text{ đồng} \times 11 \text{ năm } 30 \text{ ngày}$  (tính từ ngày 01/5/2012 đến ngày 01/6/2023) = 840.118.618 đồng, trong khi bị đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 8,2%/năm là đã có lợi cho nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không có ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy, kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị không chấp nhận yêu cầu phân tố của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn rút toàn bộ kháng cáo về đề nghị tăng mức lãi suất lên 10%/năm bằng mức lãi suất đã tính cho nguyên đơn và tăng thời gian tính lãi thành 11 năm 30 ngày. Việc rút kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với kháng cáo của bị đơn. ✓

[6] Như vậy, nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền là 1.538.091.915 đồng + 1.261.235.370 đồng = 2.799.327.285 đồng. Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 757.843.758 đồng + 840.118.618 đồng = 1.597.962.376 đồng. Sau khi đối trừ nguyên đơn còn phải thanh toán cho bị đơn là 1.201.364.909 đồng.

Xét thấy, trên thực tế công trình đã được Chính phủ Lào đưa vào khai thác sử dụng hơn 10 năm và đã được các bên xác nhận, việc nghiệm thu thanh toán là trách nhiệm và nghĩa vụ của nguyên đơn. Vì vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn về việc không chấp nhận thanh toán khoản tiền bị đơn thực hiện công việc lập báo cáo chọn tuyến là 187.742.663 đồng và giá trị thiết kế BVTC 1.156.189.252 đồng do chưa được nghiệm thu, chưa có cơ sở để tính toán khối lượng là không phù hợp.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Ý kiến của đại diện nguyên đơn là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nguyên đơn là Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm. Bị đơn rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm nên bị đơn là Công ty Cổ phần Tư Vấn 6 phải chịu án phí kinh doanh thương mại, phúc thẩm theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn là Công ty Cổ phần Tư Vấn 6 (Tên cũ là Công ty tư vấn thiết kế công trình giao thông 497).

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (Tên cũ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam). Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 17/2023/KDTM-ST ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: ✓

Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (Tên cũ là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam) phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được đối trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai số 0001822 ngày 26/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tư Vấn 6 (Tên cũ là Công ty tư vấn thiết kế công trình giao thông 497) phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí phúc thẩm được đối trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai số 0001806 ngày 23/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

**4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS (02 bản), P. HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Đặng Thị Thơm**